

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2011/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 7 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Lạng Sơn,
giai đoạn 2011- 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004; Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ Ban hành Quy chế xem xét quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011- 2015;

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 30/6/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2011 - 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2011- 2015.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn Khoá XV, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2011./.

CHỦ TỊCH

Phùng Thanh Kiểm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 7 năm 2011

**NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC,
TỈNH LẠNG SƠN, GIAI ĐOẠN 2011-2015**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 54 /2011/NQ-HĐND ngày 26 /7/2011
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**I. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGUỒN BỔ
SUNG TRONG CÂN ĐỐI DO TỈNH QUẢN LÝ.**

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Quyết định số: 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ, bắt đầu thực hiện từ năm 2012 và được ổn định trong 5 năm của giai đoạn 2011 – 2015.

- Bảo đảm được tính công khai, minh bạch, công bằng hợp lý giữa các huyện, thành phố, đồng thời đảm bảo tập trung được nguồn vốn đầu tư cho các dự án trong Khu kinh tế cửa khẩu, các dự án trọng điểm, các huyện biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.

- Phân bổ vốn cho các dự án phải đúng mục tiêu đầu tư, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, khuyến khích kết hợp lồng ghép với các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển; các dự án được bố trí vốn phải phù hợp với quy hoạch đã được duyệt, có đầy đủ thủ tục đầu tư theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng (được người có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 31/10 của năm trước năm kế hoạch), việc bố trí vốn phải tập trung, tránh dàn trải; bố trí theo thứ tự ưu tiên: thanh toán nợ XDCB công trình hoàn thành đã có quyết toán; bố trí cho đối ứng, đền bù GPMB, dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới; đối với dự án khởi công mới phải đảm bảo bố trí đủ vốn từ lúc khởi công đến lúc hoàn thành đối với các dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm.

- Việc thực hiện nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn áp dụng đối với nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương được Trung ương phân bổ và nguồn vượt thu ngân sách của tỉnh (nếu có).

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân cấp giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện.

- Trên cơ sở mức vốn bổ sung trong cân đối Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh hàng năm (không tính nguồn thu từ sử dụng đất), sau khi trừ các khoản : trả nợ vốn vay do ngân sách tỉnh đảm bảo hoàn trả, hoàn trả vốn ứng trước (nếu có), số còn lại được phân bổ như sau :

- + Ngân sách cấp tỉnh quản lý 70%.
- + Ngân sách cấp huyện quản lý 30%.

- Đối với nguồn thu từ sử dụng đất, thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa cấp tỉnh và cấp huyện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND, ngày 15/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn năm 2011 và thời kỳ ổn định ngân sách (2011-2015).

3. Phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối đối với ngân sách cấp tỉnh.

Vốn đầu tư phát triển trong cân đối do ngân sách cấp tỉnh quản lý 70% sử dụng để phân bổ cho các ngành, lĩnh vực theo tỷ lệ hợp lý nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Cơ cấu cho từng ngành, từng lĩnh vực hàng năm, UBND tỉnh tổng hợp trình HĐND tỉnh quyết nghị, trong đó, đảm bảo bố trí đủ vốn đối với các lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ giao rõ cơ cấu.

Căn cứ cơ cấu, mức vốn từng ngành lĩnh vực, UBND tỉnh quyết định phân bổ chi tiết cho các công trình dự án theo các nguyên tắc đã nêu trên.

4. Phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối đối với ngân sách cấp huyện.

4.1. Phạm vi đầu tư.

Vốn đầu tư phát triển trong cân đối phân bổ cho cấp huyện (30%) để đầu tư cho các lĩnh vực sau :

- Trụ sở làm việc xã, phường, thị trấn.
- Làm đường giao thông nông thôn, thủy lợi nhỏ (trong đó đã bao gồm cả vốn hỗ trợ xi măng thực hiện theo cơ chế nhà nước và nhân dân cùng làm).
- Nước sinh hoạt.
- Môi trường.
- Hỗ trợ đầu tư nhà văn hóa thôn, bản, khối phố; sân chơi bãi tập thể thao.

4.2. Tiêu chí phân bổ vốn :

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất) và nguồn vượt thu ngân sách tỉnh (nếu có) cho các huyện, thành phố gồm 5 nhóm tiêu chí sau :

- Tiêu chí về dân số, gồm 1 tiêu chí: Số dân trung bình.
- Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 2 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo; số thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số thu từ đất).
- Tiêu chí về diện tích, bao gồm 1 tiêu chí : Diện tích đất tự nhiên.
- Tiêu chí về đơn vị hành chính, bao gồm 4 tiêu chí: Số đơn vị hành chính cấp xã, số xã vùng cao, số xã đặc biệt khó khăn và số xã biên giới của các huyện, thành phố.
- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm 3 tiêu chí:

- + Thành phố trực thuộc tỉnh;
- + Thị trấn thuộc huyện;
- + Các huyện, thành phố nằm trong khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng-Lạng Sơn: Thành phố Lạng Sơn, huyện Cao Lộc, huyện Văn Lãng, huyện Chi Lăng, huyện Văn Quan.

4.3. Xác định số điểm của từng tiêu chí.

4.3.1. Tiêu chí dân số.

TT	Dân số trung bình	Điểm
a	Dân số dưới 70.000 người được tính	10
b	Từ 70.000 người trở lên, cứ tăng thêm 10.000 người được cộng thêm	1

Dân số trung bình của các huyện, thành phố để tính toán được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm trước năm dự toán.

4.3.2. Tiêu chí về trình độ phát triển.

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

TT	Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
a	Dưới 5% hộ nghèo được tính.	2
b	Từ 5% hộ nghèo trở lên, cứ tăng thêm 01% được cộng thêm	1

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu công bố của Sở Lao động Thương binh và xã hội đến thời điểm ngày 31/12 của năm trước năm dự toán.

(2). Điểm của tiêu chí thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số thu từ đất)

TT	Thu ngân sách (Không bao gồm thu từ sử dụng đất)	Điểm
a	Thu dưới 5 tỷ đồng được tính.	1
b	Thu từ 5 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm	0,2
c	Thu từ 20 tỷ đồng trở lên, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm	0,25
d	Thu từ 50 tỷ đồng trở lên, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm	0,3

Số liệu thu ngân sách trên địa bàn của các huyện, thành phố lấy theo báo cáo của Sở Tài chính đến thời điểm ngày 31/12 năm trước năm dự toán.

4.3.3. Tiêu chí về diện tích.

TT	Diện tích tự nhiên	Điểm
a	Dưới 500 km ² được tính	6
b	Từ 500 km ² trở lên, cứ 100 km ² tăng thêm được cộng thêm	1

Diện tích đất tự nhiên xác định điểm được tính theo công bố của Cục Thống kê đến thời điểm ngày 31/12 năm trước năm dự toán.

4.3.4. Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã.

TT	Đơn vị hành chính	Điểm
a	Cứ 01 xã, phường, thị trấn được.	1
b	Cứ 01 xã vùng cao được tính	0,2
c	Cứ 01 xã đặc biệt khó khăn được tính	0,2
d	Cứ 01 xã biên giới được tính	0,2

Số đơn vị hành chính cấp xã căn cứ theo số liệu của Sở Nội vụ và Ban Dân tộc tỉnh đến ngày 31/12 năm trước năm dự toán.

4.3.5. Tiêu chí bổ sung.

TT	Tiêu chí đơn vị hành chính	Điểm
1	Thành phố trực thuộc tỉnh	20
2	Thị trấn trực thuộc huyện	2
3	Đơn vị hành chính thuộc Khu KTCK Đồng Đăng Lạng Sơn	
a	Thành phố Lạng Sơn, huyện Cao Lộc	10
b	Huyện Văn Lãng, Chi Lăng, Văn Quan	5

Đối với tiêu chí bổ sung, các đơn vị có danh sách ở trên chỉ được hưởng số điểm cao nhất của một trong các tiêu chí trên.

4.4. Xác định mức vốn phân bổ cho các huyện, thành phố.

4.4.1. Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố, thị xã và tổng số điểm 10 huyện, 1 thành phố để làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

a) Điểm của tiêu chí dân số:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của huyện thứ i là A_i

+ Gọi số điểm của dân số trung bình huyện thứ i là h_i

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i$$

b) Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo huyện thứ i là l_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (Không bao gồm số thu về đất) huyện thứ i là m_i ;

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là:

$$B_i = l_i + m_i$$

c. Điểm của tiêu chí diện tích:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i ;

+ Gọi số điểm diện tích tự nhiên là o_i

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = o_i$$

d) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã là D_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã chung huyện thứ i là q_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã vùng cao huyện thứ i là r_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn huyện thứ i là s_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền huyện thứ i là p_i ;

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i sẽ là D_i :

$$D_i = q_i + r_i + s_i + p_i$$

e) Điểm của tiêu chí bổ sung:

+ Gọi số điểm của tiêu chí thành phố thuộc tỉnh thứ i là E_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí thị trấn thuộc huyện là F_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí huyện thuộc Khu KTCK Đồng Đăng-Lạng Sơn là G_i ;

Gọi tổng số điểm tiêu chí bổ sung của huyện thứ i gọi là X_i ; là:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + \text{Max} (E_i; F_i; G_i)$$

Tổng số điểm của 11 huyện, thành phố là Y , ta có:

$$Y = \sum_{j=i} X_i$$

4.4.2. Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

- Gọi K là tổng số vốn đầu tư hàng năm ngân sách tỉnh phân cho các huyện (Không bao gồm nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất).

- Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

4.4.3. Tổng số vốn trong cân đối (Không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu từ sử dụng đất) phân cấp cho huyện được tính theo công thức:

- Gọi V_i là số vốn phân cấp cho huyện i (Không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu từ sử dụng đất):

$$V_i = Z \times X_i$$

4.5. Điều chỉnh bất hợp lý.

Sau khi phân bổ theo các tiêu chí và định mức trên, đối với các huyện có số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm nguồn thu sử dụng đất) thấp hơn kế hoạch năm trước (nguồn vốn phân cấp) sẽ được điều chỉnh để đảm bảo năm sau cao hơn năm trước.

5. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất.

- Nguồn vốn thu từ sử dụng đất phân cấp cho cấp tỉnh: Sử dụng để trả các khoản vay đến hạn, bố trí để trích lập quỹ phát triển đất (tối thiểu 30% tổng số vốn thu từ sử dụng đất), bố trí cho công tác quy hoạch đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, ngày 13/8/2009 của Chính phủ, số còn lại bố trí cho công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư của các dự án đầu tư do tỉnh quản lý.

- Nguồn vốn thu từ sử dụng đất phân cấp cho cấp huyện : Sử dụng đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại các huyện, thành phố và giải phóng mặt bằng, bố trí theo thứ tự ưu tiên như quy định tại khoản 4.1.

II. CÁC NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG.

1. Vốn đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.

Trước mắt, trong kế hoạch năm 2011, phân bổ cho các chương trình, dự án theo yêu cầu, nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia. Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN cho các chương trình mục tiêu quốc gia, thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Vốn các chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng trung du và miền núi phía Bắc theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Vốn thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW)

Thực hiện đầu tư cho một số lĩnh vực trọng điểm có ý nghĩa đòn bẩy phát triển kinh tế - xã hội bao gồm (đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng theo Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị; hỗ trợ hạ tầng chợ, làng nghề; hỗ trợ phủ sóng phát thanh - truyền hình; hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử ; hỗ trợ các dự án thể thao do địa phương quản lý, các trung tâm giáo dục quốc phòng). Căn cứ vào tình hình thực hiện các dự án theo từng ngành, lĩnh vực, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ theo cơ cấu ngành trình HĐND tỉnh quyết nghị.

UBND tỉnh quyết định phân bổ chi tiết đến danh mục dự án đã được phê duyệt theo đúng đối tượng sử dụng nguồn vốn theo hướng: ưu tiên thanh toán nợ và bố trí vốn cho các công trình đang dở dang, công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm kế hoạch. Thực hiện lồng ghép với các nguồn vốn ngân sách nhà nước khác đảm bảo vốn bố trí cho các dự án từ khi thi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm. Bố trí khởi công mới các công trình thực sự cần thiết, đã có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành.

3. Các nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương khác.

Căn cứ các nguồn vốn được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương thực hiện phân bổ cho các dự án theo đúng đối tượng đầu tư của từng nguồn vốn hỗ trợ, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, hạng mục công trình đã hoàn thành còn thiếu vốn thanh toán, các dự án chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm kế hoạch.

Đối tượng đầu tư của từng nguồn vốn: Thực hiện theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg, ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các nguồn vốn sau:

1. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch.
2. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phát triển giống thủy sản, giống cây trồng vật nuôi và giống cây lâm nghiệp.
3. Hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng bền vững.
4. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (nếu có)
5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp địa phương (nếu có).
6. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu.
7. Đầu tư phát triển kinh tế xã-hội tuyến biên giới Việt -Trung (Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg)
8. Hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở UBND cấp xã.
9. Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh.
10. Chương trình quản lý, bảo vệ biên giới đất liền.
11. Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg.
12. Chương trình di dân định canh, định cư cho đồng bào thiểu số theo (Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg)
13. Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA.
14. Hỗ trợ đầu tư các Trung tâm Giáo dục, lao động xã hội.
15. Hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp (nếu có)
16. Hỗ trợ đầu tư có mục tiêu cho các dự án cấp bách mà ngân sách địa phương không cân đối được.

III. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT.

Căn cứ vào dự toán nguồn thu nguồn xổ số kiến thiết, phân bổ cho các danh mục dự án theo hướng lồng ghép với các nguồn vốn ngân sách nhà nước khác để đầu tư dứt điểm các công trình hoàn thành, công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế và các công trình phúc lợi xã hội cấp thiết (trong đó tập trung đầu tư các công trình về giáo dục, y tế). Việc quản lý, thanh toán cho các dự án đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết được thực hiện theo quy định về quản lý vốn đầu tư xây dựng.

Các nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước tỉnh Lạng Sơn sẽ ổn định trong thời gian 5 năm, phù hợp với thực hiện

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011- 2015. Ngoài các nguồn vốn trên, trong kỳ kế hoạch (2011- 2015), nếu được bổ sung thêm các nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu khác, căn cứ vào nguồn vốn được Trung ương bổ sung hàng năm thực hiện phân bổ theo đúng định hướng và mục tiêu sử dụng của từng nguồn vốn. Các dự án được bố trí vốn đảm bảo có trong quy hoạch được duyệt đã đảm bảo đủ thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành./.

CHỦ TỊCH

Phùng Thanh Kiểm